

MARKET LENS

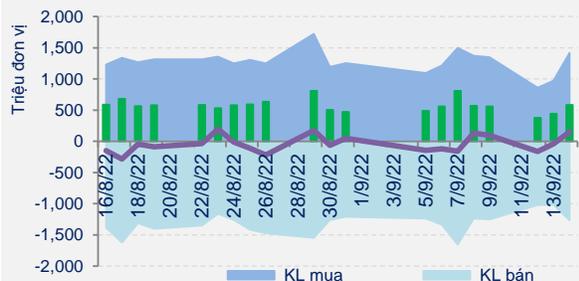
Phiên giao dịch ngày:

14/9/2022

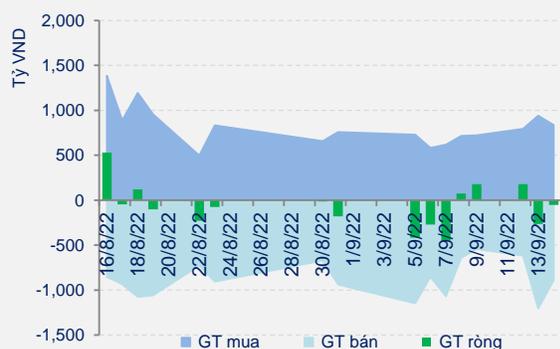
| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,240.77 | 279.42 |
| % Thay đổi | ↓ -0.61% | ↓ -0.77% |
| KLGD (CP) | 581,059,567 | 80,481,256 |
| GTGD (tỷ đồng) | 14,340.09 | 1,739.95 |
| Tổng cung (CP) | 1,263,939,800 | 110,617,600 |
| Tổng cầu (CP) | 1,415,890,200 | 114,889,600 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|---------|
| KL bán (CP) | 25,596,660 | 327,248 |
| KL mua (CP) | 29,717,360 | 145,406 |
| GT mua (tỷ đồng) | 838.11 | 2.94 |
| GT bán (tỷ đồng) | 890.99 | 11.68 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (52.89) | (8.75) |

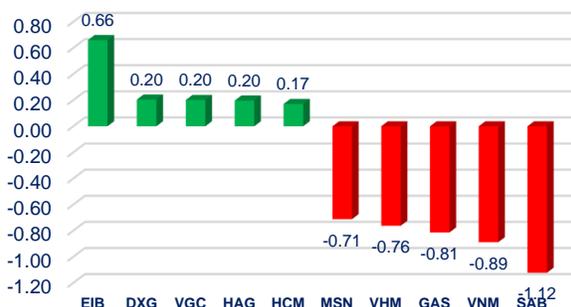
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Số liệu về CPI tại Mỹ trong tháng 8/2022 công bố vào tối qua đã tăng cao hơn mức dự kiến trước đó khiến cho tâm lý nhà đầu tư tại thị trường chứng khoán Mỹ ngay lập tức chuyển sang tiêu cực trước viễn cảnh FED sẽ tiếp tục tăng mạnh lãi suất trong kỳ họp tháng 9 lần này. Áp lực bán mạnh khiến cho các chỉ số chứng khoán Mỹ đồng loạt giảm xấp xỉ 4% trong phiên đêm qua.

Điều này có tác động tiêu cực đến tâm lý tại thị trường chứng khoán Việt Nam, áp lực bán xuất hiện ngay đầu phiên khiến VN-Index lui về quanh ngưỡng 1.230 điểm. Rất may là lực cầu gia tăng trong phiên chiều đã thu hẹp đáng kể mức giảm trước đó.

Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,63 điểm (-0,61%) xuống 1.240,77 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 120 mã tăng (3 mã tăng trần), 86 mã tham chiếu, 321 mã giảm (2 mã giảm sàn). HNX-Index còn giảm mạnh hơn với 2,17 điểm (-0,77%) xuống 279,42 điểm. Độ rộng trên sàn HNX cũng là tiêu cực với 57 mã tăng (2 mã tăng trần), 51 mã tham chiếu, 128 mã giảm (7 mã giảm sàn).

Cổ phiếu chứng khoán chìm trong sắc đỏ trong phần lớn thời gian. Nhưng về chiều, lực cầu bắt đáy tại nhóm này tăng mạnh giúp cho hàng loạt cổ phiếu đóng cửa trong sắc xanh, có thể kể đến như SSI (+1,4%), VND (+0,8%), HCM (+5,8%), VCI (+3,1%), SHS (+0,8%), VIX (+2,9%), FTS (+3,6%)...

Nhóm cổ phiếu thép cũng có sự hồi phục tốt với NKG (+1,1%), HSG (+3,4%), TLH (+4,2%)... kết phiên trong sắc xanh, HPG đóng cửa tại tham chiếu.

Tuy nhận được cầu tốt về cuối phiên nhưng những nhóm ngành trụ cột khác vẫn kết phiên trong sắc đỏ. Có thể kể đến ngân hàng với VPB (-0,7%), MBB (-0,7%), SHB (-1,7%), TCB (-1,3%), VCB (-0,4%), CTG (-1,8%), ACB (-1,3%), HDB (-2,7%)...

Khối ngoại bán ròng nhẹ trên HOSE với giá trị ròng đạt 54,03 tỷ đồng. Mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất là VHM với 52,1 tỷ đồng tương ứng với 869 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là STB với 39,2 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu và KBC với 38,1 tỷ đồng tương ứng với 1,3 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã chứng khoán được mua ròng mạnh nhất với 107,6 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu cổ phiếu.

Trên thị trường phái sinh, các hợp đồng tương lai VN30 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 từ 1,88 điểm đến 18,28 điểm, cho thấy các nhà giao dịch vẫn đang thận trọng về xu hướng của thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/9/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-INDEX test thành công hỗ trợ quanh 1.230 điểm (MA50 ngày) trong phiên hôm nay rồi bật lên khá tốt. Mặc dù nhảy gap down ngay đầu phiên nhưng lực cầu bắt đáy xuất hiện quanh ngưỡng hỗ trợ kể trên đã giúp chỉ số này thu hẹp mức giảm đáng kể. Từ đó gap down cũng thu hẹp lại chỉ còn trong khoảng 1.242-1.244 điểm.

Trên góc độ ngắn hạn, sau phiên giảm thứ hai liên tiếp, VN-INDEX vẫn duy trì được tín hiệu kỹ thuật tương tự như trước đó với việc chỉ số này kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ quanh 1.230 điểm (MA50 ngày) nhưng vẫn dưới ngưỡng kháng cự quanh 1.265 điểm (MA20 ngày). Do có sự phân kỳ tại đây nên có khả năng VN-INDEX sẽ tiếp tục đi ngang và giằng co với biên độ được tạo bởi đường MA20 ngày cũng như MA50 ngày trong khoảng 1.230-1.265 điểm. Sẽ cần sự bứt phá khỏi vùng giá kể trên để tạo thành xu hướng mới.

Trên góc nhìn dài hạn hơn, chúng tôi đánh giá đỉnh của sóng hồi phục b trước đó trong khoảng 1.285-1.315 điểm được tạo thành vào đầu tháng 6/2022 vẫn sẽ là vùng kháng cự mạnh của thị trường trong thời gian tới. Do đó, xu hướng chủ đạo của thị trường có thể là biến động giằng co với những nhịp tăng giảm đan xen trong biên độ 1.140-1.300 điểm từ giờ cho đến hết năm nay.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX giảm điểm từ đầu phiên dưới áp lực tâm lý từ chỉ số Down Jones. Kết phiên VN-INDEX giảm -0,61% ở mức 1.240,77 điểm với khối lượng giao dịch gia tăng mạnh 39,82% so với phiên trước. Độ rộng thị trường tiêu cực, tuy nhiên điểm tích cực là lực cầu ở vùng giá thấp gia tăng tốt với khá nhiều mã, nhóm mã vẫn thu hút dòng tiền. Nổi bật ở nhóm nhóm xây dựng, vật liệu xây dựng, thủy sản, dầu khí và nhóm nông nghiệp, lương thực. Nhóm mã kỳ vọng cải thiện nhu cầu trong những tháng cuối năm.

Ngắn hạn VN-INDEX vẫn tích lũy trên đường trung bình M50 ngày ở mức quanh 1.230 điểm đang duy trì hướng lên, dần thu hẹp với đường trung bình MA100 ngày quanh vùng 1.245 điểm. Với kỳ vọng đường MA50 ngày sẽ cắt lên đường MA100 ngày để cải thiện xu hướng tốt hơn khá tương tự như nhiều cổ phiếu đã phục hồi tốt và có lực cầu tốt như HCM, VCI hay DBC.. Trên góc nhìn dài hạn, thị trường vẫn đang tích lũy trên nền định giá ở mức thấp so với trung bình 5 năm gần nhất. Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý, chờ thêm các thông tin mới về tình hình kinh doanh của doanh nghiệp khi Quý III/2022 gần kết thúc, các thông tin vĩ mô, tăng trưởng GDP... cũng như xu hướng của thị trường chung cải thiện tốt hơn để xem xét gia tăng thêm tỉ trọng đầu tư đối với các mã có tiềm năng tăng trưởng tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý. Có thể ưu tiên xem xét, chọn lọc vào các mã, nhóm mã có kỳ vọng tăng trưởng doanh thu lợi nhuận trong 03 tháng cuối năm.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 14/9/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|--|
| | | | | | P/E | T.trường Doanh thu | T.trường Lợi nhuận | |
| DCM | 37.35 | 34-35 | 44-45 | 31 | 4.9 | 72.8% | 246.7% | Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 34+- |
| BWE | 50.00 | 48-50 | 60-62 | 45 | 12.3 | 9.4% | 19.5% | Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 49+- |
| CTR | 73.00 | 70-72 | 85-90 | 66 | 20.2 | 24.1% | 25.2% | Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 72+- |
| CSV | 47.50 | 46-47.5 | 59-69 | 41 | 6.5 | 39.1% | 101.7% | Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 47+- |
| CNG | 38.70 | 37-39 | 50-52 | 35 | 8.8 | 44.7% | 79.5% | Theo dõi giải ngân, hỗ trợ ngắn hạn 38.5+- |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|----------------------------|
| 27/6/2022 | TCD | 13.80 | 10.15 | 14.5-15.5 | 13 | 35.96% | Nắm giữ |
| 29/6/2022 | VPI | 59.90 | 57.45 | 76-78 | 58 | 4.26% | Nắm giữ |
| 4/7/2022 | VCG | 24.20 | 18.20 | 24-26 | 22 | 32.97% | Nắm giữ |
| 4/7/2022 | MBB | 22.40 | 20.25 | 25-26 | 22 | 10.62% | Nắm giữ |
| 12/7/2022 | ASM | 17.60 | 13.45 | 16.5-17 | 15 | 30.86% | Nắm giữ |
| 14/7/2022 | GVR | 25.00 | 22.60 | 28-30 | 24 | 10.62% | Nắm giữ |
| 2/8/2022 | PTB | 63.00 | 61.50 | 75-77 | 63 | 2.44% | Nắm giữ |
| 11/8/2022 | GAS | 112.50 | 112.00 | 130-132 | 109 | 0.45% | Nắm giữ |
| 16/8/2022 | DPR | 71.40 | 72.40 | 88-90 | 72 | -1.38% | Nắm giữ |
| 25/8/2022 | PVT | 22.45 | 21.80 | 26-28 | 20.5 | 2.98% | Nắm giữ |
| 29/8/2022 | PVS | 27.80 | 27.10 | 32-34 | 25 | 2.58% | Nắm giữ |
| 9/9/2022 | QNS | 46.11 | 47.20 | 62-64 | 42 | -2.32% | Nắm giữ |
| 13/9/2022 | IDI | 22.40 | 21.70 | 25-26 | 20 | 3.23% | Nắm giữ |



TIN VĨ MÔ

Hà Nội lên kế hoạch thay thế buýt chạy xăng bằng buýt điện

Sau khoảng 9 tháng vận hành, 9 tuyến xe buýt điện đang ngày càng thu hút hành khách. Các chuyên gia giao thông đánh giá, xe buýt điện giúp giảm phát thải khí nhà kính bền vững, bảo vệ môi trường tốt hơn.

Sớm bàn giao mặt bằng sạch cho dự án luồng tàu biển lớn vào sông Hậu

Dự án luồng tàu biển lớn vào sông Hậu giai đoạn 2 có 3 gói thầu xây lắp hiện đã triển khai thi công cả 3 gói thầu, sản lượng đạt 10,5%, đáp ứng tiến độ. Bộ GTVT đã yêu cầu Ban Quản lý dự án Hàng hải phối hợp chặt chẽ với địa phương để giải quyết dứt điểm các tồn tại về giải phóng mặt bằng.

Dự kiến khởi công nâng cấp sân bay Côn Đảo vào tháng 6/2023

Mục tiêu tháng 6/2023 khởi công xây dựng sân bay Côn Đảo. Dự án nâng cấp sân bay Côn Đảo có tổng mức đầu tư hơn 3.794 tỷ đồng.

Bà Rịa-Vũng Tàu đề nghị đưa ra khỏi danh mục 6 dự án trọng điểm

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cho biết, qua rà soát các sở, ngành đang đề nghị UBND tỉnh đưa ra khỏi danh mục, công trình trọng điểm của tỉnh 6 dự án. Khu đất An Hải (huyện Côn Đảo), di dời Trường bắn Lam Sơn (thị xã Phú Mỹ), dự án Vũng Tàu Marina City là ba trong số 6 dự án bị đề nghị ra khỏi danh mục.

Bộ GTVT đề xuất chia làm 30 gói thầu cao tốc Bắc - Nam giai đoạn 2

Dự án cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2 gồm công trình đường bộ cấp 1, công trình hầm đường bộ và cầu đường bộ từ cấp 3 trở lên. Dự kiến 12 dự án chia thành khoảng 30 gói thầu; 3 nhà thầu liên doanh/1 gói thầu.

ADB nhận định về thị trường trái phiếu Việt Nam

Thị trường trái phiếu của Việt Nam trong Quý II năm nay tăng 8,1% so với quý trước, lên tới 99,5 tỉ USD nhờ cả phân khúc thị trường trái phiếu chính phủ và doanh nghiệp.



TIN DOANH NGHIỆP

TEG bán toàn bộ cổ phần tại công ty điện mặt trời cho đối tác Thái Lan

TEC Group sẽ chuyển nhượng 1,65 triệu cổ phần, tương đương 4,1% vốn điều lệ đang sở hữu tại CTCP Năng lượng và Công nghệ cao Trường Thành Quảng Ngãi.
TEG có thể thu về ít nhất 31,3 tỷ đồng từ việc thoái vốn trên.

Đất Xanh làm dự án khu đô thị gần 1.900 tỷ đồng tại Vĩnh Phúc

Dự án khu đô thị mới tại xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc có tổng chi phí thực hiện 1.890 tỷ đồng.
Để thực hiện dự án này, Đất Xanh đã lập một công ty con là Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Phúc Hưng Phát.
Công ty con khác của Đất Xanh vừa trúng giá khu đất gần 1,4 ha tại Bình Định.

Huy động cao các nhà máy thủy điện, doanh thu sản xuất điện 8 tháng của EVNGENCO3 tăng 24%

Sản lượng điện toàn EVNGENCO3 đạt 2,69 tỷ kWh, tăng gần 36% so với cùng kỳ năm trước.
Giá bán điện bình quân tháng 8 ghi nhận tăng tháng thứ 3 liên tiếp lên 1.511 đồng/kWh, cao hơn 51% so với cùng kỳ năm trước.

Chủ dự án Marina Tower Bình Dương huy động 500 tỷ đồng trái phiếu

Ngày 29/8, Đại Thịnh Phát đã hoàn tất phát hành lô trái phiếu trị giá 500 tỷ đồng với kỳ hạn 2 năm.
Doanh thu của Đại Thịnh Phát trong năm 2020 là 875 tỷ đồng, lợi nhuận thu về hơn 1 tỷ đồng, gấp 3,7 lần con số 289 triệu đồng của năm 2019.

Doanh thu tháng 8 của PV Power tăng 3% so với cùng kỳ

Tổng doanh thu của PV Power tháng 8 đạt 1.868 tỷ đồng, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước và vượt 16% so với kế hoạch.
Dự kiến doanh thu tháng 9 của PV Power sẽ giảm do nhiều nhà máy bước vào giai đoạn đại tu.

Bột giặt NET sắp trả cổ tức tiền mặt tỷ lệ 50%

Bột giặt NET thông báo ngày 22/9 sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2021.
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 thấp hơn so với 2020.

HAGL lãi 123 tỷ đồng tháng 8 nhờ trồng chuỗi nuôi heo

Tháng 8, HAGL ghi nhận doanh thu thuần 448 tỷ đồng; lãi sau thuế 123 tỷ đồng.
Ngày 21/8, HAGL đã hình thức ra mắt thương hiệu heo ăn chuỗi Bapi HAGL và bày bán lần đầu tại Bapi Mart ở thành phố Đà Nẵng.

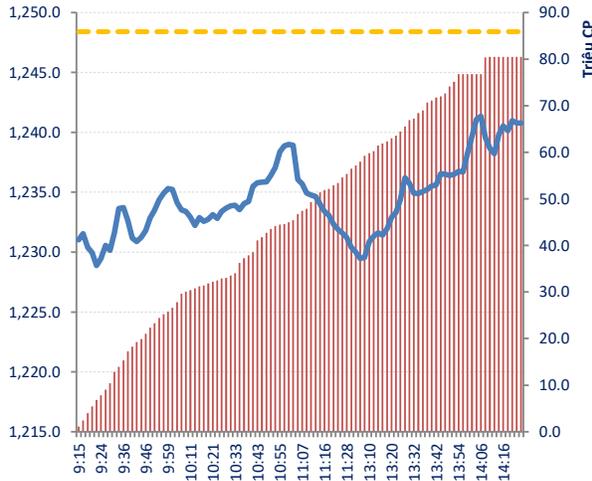
Doanh số bán xe VinFast tháng 8 giảm 47% so với cùng kỳ do ngừng sản xuất xe xăng

Tháng 8 tổng số xe VinFast bán ra là 1.220 chiếc, giảm 43% so với tháng 7 và giảm 47,2% so với tháng 8/2021.
Ngày 10/9 vừa qua, tại nhà máy VinFast Hải Phòng, doanh nghiệp đã bàn giao 100 ô tô điện VF 8 đầu tiên cho những người đặt cọc sớm nhất.

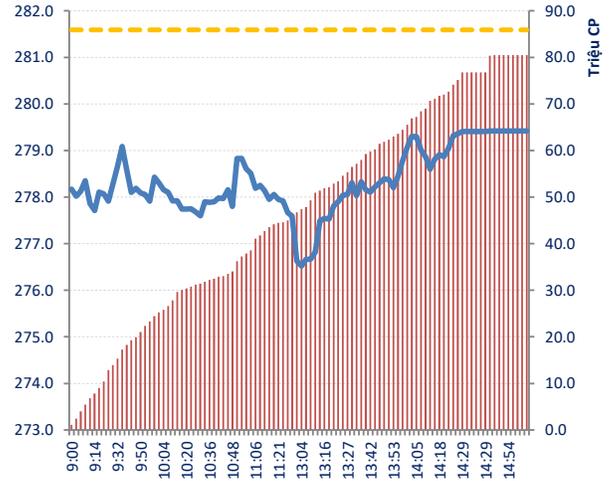


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



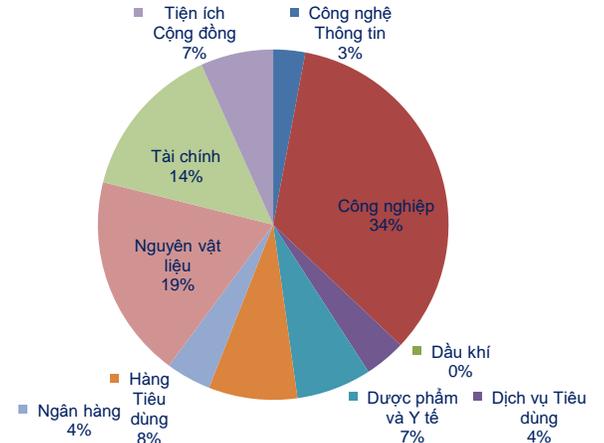
KLGD và HNX-Index trong phiên



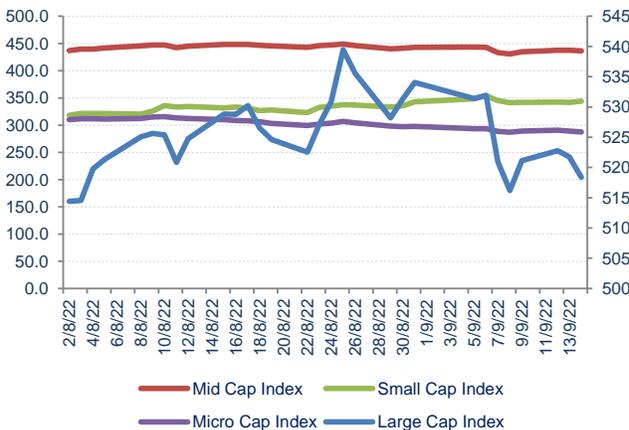
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



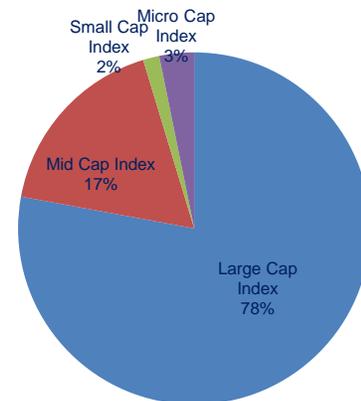
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | HPG | 4,574,000 | VND | 1,733,000 |
| 2 | PVD | 3,642,100 | STB | 1,719,300 |
| 3 | SSI | 2,040,500 | KBC | 1,270,300 |
| 4 | POW | 940,300 | VHM | 869,200 |
| 5 | DXG | 687,200 | PDR | 690,000 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | NSH | 45,200 | IDC | 142,700 |
| 2 | PVS | 29,900 | DL1 | 62,000 |
| 3 | MBS | 25,000 | DS3 | 29,900 |
| 4 | CLH | 7,000 | SHS | 19,500 |
| 5 | GMX | 6,000 | NET | 14,200 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|
| HAG | 12.85 | 13.70 | ↑ 6.61% | 40,713,500 |
| HPG | 23.70 | 23.70 | → 0.00% | 29,192,300 |
| SSI | 21.65 | 21.95 | ↑ 1.39% | 26,649,700 |
| VND | 19.85 | 20.00 | ↑ 0.76% | 22,127,700 |
| POW | 14.15 | 14.15 | → 0.00% | 21,505,200 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| PVS | 27.40 | 27.80 | ↑ 1.46% | 12,915,568 |
| SHS | 12.10 | 12.20 | ↑ 0.83% | 9,489,387 |
| IDC | 58.00 | 57.40 | ↓ -1.03% | 4,539,828 |
| CEO | 29.40 | 29.40 | → 0.00% | 4,263,899 |
| PVC | 22.50 | 22.60 | ↑ 0.44% | 3,179,399 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| EIB | 30.90 | 33.05 | 2.15 | ↑ 6.96% |
| CLW | 32.55 | 34.80 | 2.25 | ↑ 6.91% |
| HOT | 32.25 | 34.45 | 2.20 | ↑ 6.82% |
| HAG | 12.85 | 13.70 | 0.85 | ↑ 6.61% |
| HCM | 25.70 | 27.20 | 1.50 | ↑ 5.84% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| ADC | 19.30 | 21.20 | 1.90 | ↑ 9.84% |
| NBW | 24.40 | 26.70 | 2.30 | ↑ 9.43% |
| VTL | 16.00 | 17.50 | 1.50 | ↑ 9.38% |
| TSB | 9.90 | 10.80 | 0.90 | ↑ 9.09% |
| CTB | 19.20 | 20.90 | 1.70 | ↑ 8.85% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|----------|------------|----------|-------|----------|
| CIG | 8.70 | 8.10 | -0.60 | ↓ -6.90% |
| KPF | 15.30 | 14.25 | -1.05 | ↓ -6.86% |
| GMC | 21.90 | 20.50 | -1.40 | ↓ -6.39% |
| TPC | 11.10 | 10.40 | -0.70 | ↓ -6.31% |
| FUCVREIT | 8.00 | 7.50 | -0.50 | ↓ -6.25% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|-----------|
| GMA | 45.00 | 40.50 | -4.50 | ↓ -10.00% |
| PTD | 17.10 | 15.40 | -1.70 | ↓ -9.94% |
| KST | 14.30 | 12.90 | -1.40 | ↓ -9.79% |
| DNM | 22.50 | 20.30 | -2.20 | ↓ -9.78% |
| PHN | 33.80 | 30.50 | -3.30 | ↓ -9.76% |

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| HAG | 40,713,500 | 14.6% | 750 | 17.1 | 2.6 |
| HPG | 29,192,300 | 32.1% | 5,164 | 4.6 | 1.4 |
| SSI | 26,649,700 | 13.0% | 1,131 | 19.1 | 1.5 |
| VND | 22,127,700 | 12.3% | 373 | 53.3 | 1.7 |
| POW | 21,505,200 | 4.9% | 668 | 21.2 | 1.0 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 12,915,568 | 4.1% | 1,106 | 24.8 | 1.0 |
| SHS | 9,489,387 | 25.5% | 1,214 | 10.0 | 1.0 |
| IDC | 4,539,828 | 34.0% | 5,604 | 10.3 | 2.9 |
| CEO | 4,263,899 | 7.2% | 969 | 30.3 | 2.2 |
| PVC | 3,179,399 | 0.9% | 150 | 150.1 | 1.4 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| EIB | ↑ 7.0% | 11.2% | 1,659 | 18.6 | 2.0 |
| CLW | ↑ 6.9% | 9.6% | 1,600 | 20.3 | 2.1 |
| HOT | ↑ 6.8% | -36.3% | (2,415) | - | 5.7 |
| HAG | ↑ 6.6% | 14.6% | 750 | 17.1 | 2.6 |
| HCM | ↑ 5.8% | 12.1% | 1,185 | 21.7 | 1.5 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|---------|---------|------|-----|
| ADC | ↑ 9.8% | 15.9% | 2,612 | 7.4 | 1.2 |
| NBW | ↑ 9.4% | 10.8% | 1,648 | 14.8 | 1.6 |
| VTL | ↑ 9.4% | -116.4% | (3,617) | - | 4.1 |
| TSB | ↑ 9.1% | 4.5% | 527 | 18.8 | 0.9 |
| CTB | ↑ 8.9% | 14.8% | 2,562 | 7.5 | 1.1 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|----------|-----|
| HPG | 4,574,000 | 32.1% | 5,164 | 4.6 | 1.4 |
| PVD | 3,642,100 | 0.0% | 1 | 17,708.1 | 0.9 |
| SSI | 2,040,500 | 13.0% | 1,131 | 19.1 | 1.5 |
| POW | 940,300 | 4.9% | 668 | 21.2 | 1.0 |
| DXG | 687,200 | 5.3% | 1,218 | 20.2 | 1.0 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|-------|-----|
| NSH | 45,200 | 0.1% | 16 | 532.5 | 0.8 |
| PVS | 29,900 | 4.1% | 1,106 | 24.8 | 1.0 |
| MBS | 25,000 | 14.4% | 768 | 23.3 | 1.6 |
| CLH | 7,000 | 30.3% | 5,051 | 7.0 | 2.2 |
| GMX | 6,000 | 28.7% | 3,473 | 5.5 | 1.5 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 371,976 | 21.7% | 5,271 | 14.9 | 3.0 |
| VHM | 264,310 | 21.9% | 6,510 | 9.3 | 2.0 |
| VIC | 244,473 | -0.3% | (121) | - | 1.9 |
| GAS | 218,573 | 23.6% | 6,738 | 16.9 | 3.6 |
| BID | 186,154 | 14.6% | 2,569 | 14.3 | 2.0 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KSF | 24,960 | 6.6% | 1,356 | 61.3 | 3.8 |
| THD | 19,180 | 13.1% | 2,295 | 23.9 | 3.3 |
| IDC | 19,140 | 34.0% | 5,604 | 10.3 | 2.9 |
| BAB | 13,258 | 7.9% | 889 | 18.3 | 1.4 |
| PVS | 13,096 | 4.1% | 1,106 | 24.8 | 1.0 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| CTS | 2.95 | 8.7% | 772 | 24.2 | 1.5 |
| VIX | 2.95 | 20.7% | 766 | 15.7 | 0.9 |
| HAX | 2.63 | 31.5% | 4,036 | 5.8 | 1.6 |
| HDC | 2.57 | 22.7% | 3,181 | 15.6 | 3.3 |
| TVB | 2.55 | 30.6% | 3,494 | 2.2 | 0.7 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|-------|-----|
| PBP | 2.66 | 11.6% | 1,553 | 15.6 | 1.7 |
| VIG | 2.57 | 0.8% | 43 | 173.3 | 1.3 |
| SDA | 2.47 | 7.9% | 741 | 17.3 | 1.3 |
| TVC | 2.46 | 0.1% | 16 | 533.4 | 0.5 |
| LIG | 2.42 | 4.2% | 559 | 10.9 | 0.5 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn